TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÙ CANG CHẢI** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2019/HSST
Ngày 28- 3- 2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Đỗ Công Chúng

2. bà Trần Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: ông Lý A Dà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải tham gia phiên tòa*:** ông Nông Văn Phong- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Sùng A T** sinh ngày 25 tháng 6 năm 1986 tại xã K, huyện M tỉnh Y; cư trú tại: bản T, xã K, huyện M, tỉnh Y; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Mông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng Pàng G (đã chết) và bà Lý Thị L sinh năm 1948; vợ là Lý Thị L sinh năm 1987; có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại, có mặt.

- *Người bị hại:* anh Nguyễn Thế H sinh năm 1984; trú tại: bản T, xã K, huyện M, tỉnh Y, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 22 giờ ngày 05-7-2018, Sùng A T đi đến quán nhà anh Nguyễn Thế H, thì thấy anh H đang chơi bi a cùng mọi người ở gian phòng sát với phòng bày bán điện thoại di động. T quan sát gian phòng bày bán điện thoại di động không có người nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Vì nhà ở gần nhà nhau nên T biết anh H thường để tiền bán hàng trong một ngăn kéo tủ kính trong gian phòng bán điện thoại. T đi vào phòng, tới ngăn kéo tủ kính đựng

tiền, kéo ngăn kéo ra rồi vơ lấy tiền cho vào túi quần đang mặc, sau đó đi về nhà. Khi về đến nhà, T lấy số tiền ra đếm được 04 tờ tiền mệnh giá 500.00 đồng, T đút tiền vào tui quần rồi lại tiếp tục đi chơi. Đến khoảng 23 giờ ngày 05 -7 -2018, anh H phát hiện ra bị mất tiền nên xem lại camera của cửa hàng thì có hình ảnh của Sùng A T vào lấy tiền nên anh H đã trình báo Công an. Khoảng 00 giờ ngày 06 -7-2018, Công an huyện Mù Cang Chải đã triệu tập Sùng A T lên làm việc, tại đây T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của bản thân. Đến hồi 13 giờ ngày 06- 7-2018, Sùng A T tự giác giao nộp cho Công an huyện Mù Cang Chải số tiền 2.780.000 đồng và 01 điện thoại di động cũ nhãn hiệu BUK.

Tại kết luận giám định số 203/KLGĐ ngày 20- 9- 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bai kết luận: Toàn bộ số tiền 2.780.000 đồng gửi giám định là tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Sùng A T khai là người có tiền sử mắc bệnh Tâm thần phân liệt đã được điều trị tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Yên Bái. Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với Sùng A T. Tại Kết luận giám định số 64/2018/PYTT ngày 25-9-2018 của Trung tâm giám định pháp y miền núi phía Bắc kết luận:

1. Sùng A T sinh năm 1986, trú tại: bản T, xã K, huyện M, tỉnh Y không bị mắc bệnh tâm thần.

2. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 05-7-2018, Sùng A T không bị bệnh tâm thần, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

3. Hiện tại Sùng A T đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Cáo trạng số 27/CT-VKS-MCC ngày 30- 11 -2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải truy tố bị cáo Sùng A T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Sùng A T đã khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tiền của anh Nguyễn Thế H, sau khi trộm cắp được tiền T mang về nhà thì đếm được 2.000.000 đồng. Trong số tiền mà bị cáo T nộp cho cơ quan Công an có 2.000.000 đồng là tiền trộm cắp được của anh H, số tiền còn lại là 780.000 đồng là tiền của bị cáo. Người bị hại Nguyễn Thế H khai bị mất số tiền 6.450.000 đồng và yêu cầu bị cáo Sùng A T phải bồi hoàn toàn bộ số tiền này. Tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại thống nhất thỏa thuận bị cáo có trách nhiệm trả cho người bị hại số tiền 4.450.000 đồng, bị cáo đã thanh toán trước được 3.000.000 đồng, còn phải thanh toán 1.450.000 đồng cho người bị hại.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội tại phiên toà đã giữ nguyên toàn bộ quyết định truy tố, đề nghị tuyên bố bị cáo Sùng A T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Sùng A Ttừ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Đề nghị công nhận sự thỏa thuận về trách nhiệm dân sự giữa bị cáo và người bị hại; Về xử lý vật chứng: đề nghị trả lại cho anh Nguyễn Thế H số tiền 2.000.000 đồng; trả lại cho bị cáo Sùng A T số tiền 780.000 đồng

Bị cáo Sùng A T không có ý kiến tranh luận gì. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Mù Cang Chải, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Sùng A T tại phiên tòa phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, như lời khai của những người bị hại Nguyễn Thế H, bản Kết luận giám định tài sản và được minh chứng vật chứng là tiền thu giữ trong vụ án. Từ đó đã đủ căn cứ kết luận: Ngày 05- 7- 2018, bị cáo Sùng A T đã lợi dụng quán bán điện thoại của anh Nguyễn Thế H không có người trông coi, để thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền trong ngăn kéo tủ của anh H. Anh Nguyễn Thế H khai bị mất tổng số tiền là 6.450.000 đồng là tiền bán điện thoại và thẻ nạp điện thoại. Tuy nhiên, bị cáo Thi khai ngay sau khi trộm cắp tiền của anh Hùng thì bị cáo mang về nhà đếm được 2.000.000 đồng, gồm 04 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, bị cáo chưa kịp chi tiêu số tiền này và đã nộp cho cơ quan điều tra cùng với tiền của bị cáo. Như vậy, chỉ có đủ căn cứ quy kết bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng của anh Nguyễn Thế H. Hành vi đó của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định của khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Bản thân bị cáo Sùng A T là người có tiền sử mắc bệnh Tâm thần phân liệt đã được điều trị tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Yên Bái, nhưng tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội và hiện tại Sùng A T đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Do đó, bị cáo T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo Sùng A T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương, nên phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại số tiền 3.000.000 đồng; hành vi phạm tội của bị cáo gây thiệt hại không lớn; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được áp dụng giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về nhân thân bị cáo Sùng A T chưa có tiền án, tiền sự nên được coi là có nhân thân tốt.

[6] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy bị cáo Sùng A T tập trung nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng không ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, đồng thời vẫn đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa. Xét bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân không có công ăn, việc làm ổn định, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, người bị hại Nguyễn Thế H khai bị mất số tiền 6.450.000 đồng nhưng bị cáo Sùng A T chỉ thừa nhận trộm cắp được số tiền 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại thống nhất thỏa thuận bị cáo có trách nhiệm trả thêm cho người bị hại số tiền 4.450.000 đồng, bị cáo đã thanh toán trước được 3.000.000 đồng, còn phải thanh toán 1.450.000 đồng cho người bị hại. Xét thỏa thuận của bị cáo và người bị hại là tự nguyện và không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận đó trong bản án.

[8] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp trong vụ án:

- Đối với số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo trộm cắp của anh Nguyễn Thế H cần tuyên trả cho anh H.

- Đối với số tiền 780.000 đồng là của bị cáo Sùng A T nên được trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 vỏ phong bì đã mở niêm phong không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động cũ nhãn hiệu BUK thu giữ của bị cáo T, Cơ quan điều tra xét thấy không liên quan đến tội phạm nên đã trả lại cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Sùng A T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Sùng A T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh Y giám sát, giáo dục.

Gia đình bị cáo được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với Chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nới cư trú thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Sùng A T và người bị hại Nguyễn Thế H như sau: Bị cáo Sùng A Tcó trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Thế H số tiền 4.450.000đ *(Bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)*. Xác nhận bị cáo T đã thanh toán được 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*; còn phải thanh toán cho anh H số tiền 1.450.000đ *(Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3.Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

- Trả lại cho anh Nguyễn Thế H số tiền 2.000.000đ *(Hai triệu đồng).*

- Trả lại bị cáo Sùng A T số tiền 780.000đ *(Bẩy trăm tám mươi đồng)*.

Toàn bộ số tiền hiện được niêm phong bằng 01 phong bì do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành, mặt trước có ghi: "Vật chứng là tiền thu giữ của Sùng A T ngày 06/7/2018 (sau khi giám định)", mặt sau các mép dán kín có chữ ký, họ tên của Trương Xuân Ngọc, Đồng Thu Hằng, Hà Hải Đà và 04 hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái tại các mép giáp lai.

- Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ phong bì đã mở niêm phong

4. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án,

Bị cáo Sùng A T phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Trung Dũng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện MCC;
- Công an huyện MCC (2);
- Chi cục THADS huyện MCC;
- THA hình sự;
- UBND xã K, huyện M;
- Bị cáo Sùng A T;
- Người bị hại;
- Lưu: TA, tiểu HS; HS (2).